TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1403/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149; 212; 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/11/2003.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1229/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1965
Địa chỉ: số A đường số A, khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976
Địa chỉ: số A đường số A, khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 6 năm 2026, các đương sự có mặt tại buổi hòa giải thống nhất việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Thanh T1, sinh ngày 18/01/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Hùng Q, sinh ngày 09/10/2014. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hùng Q, sinh ngày 09/10/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà

Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Đức V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

5. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Thanh T1, sinh ngày 18/01/2004 (đã thành niên) và Nguyễn Hùng Q, sinh ngày 09/10/2014. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hùng Q, sinh ngày 09/10/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Đức V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị T phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030576 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2 TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Hà Văn Đoàn